

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2025/HS-ST

Ngày: 27/02/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tân Tài.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Văn Ton.

2/ Bà Huỳnh Thị Bích Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Hữu Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2025, Tòa án nhân dân huyện B tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2025/TLST-HS ngày 23 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Chế L**, sinh ngày 04/8/1995; Tên gọi khác: Không; Nơi sinh: tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: Số C, ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H (đã chết) và bà Nguyễn Thị Kiều N; Vợ: Nguyễn Thị Thúy V; Con: Có 01 con, sinh năm 2022; Tiền án: Không; Tiền sự: 01 (Ngày 17/5/2024 bị Công an xã A xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, chưa nộp phạt). Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/10/2024 tại Nhà tạm giữ Công an huyện B, tỉnh Bến Tre cho đến nay. Bị cáo mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Thanh T**, sinh ngày 20/11/1992; Tên gọi khác: Không; Nơi sinh: tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: Số I, khu phố A, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo:

Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T1 (đã chết) và bà Nguyễn Thanh T2; Vợ: Nguyễn Thị Diễm H1 (đã ly hôn); Con: Có 01 con, sinh năm 2019; Tiền án: 01 (Ngày 08/9/2022 bị TAND tỉnh Bến Tre xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/12/2023, đến ngày 25/6/2024 thì tiếp tục phạm tội). Tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/10/2024 tại Nhà tạm giữ Công an huyện B, tỉnh Bến Tre cho đến nay. Bị cáo mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh T: Bà Tràng Thị Thu H2 – Trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B. (Có mặt).*

- *Các bị hại:*

1. Trịnh Quốc H3, sinh năm 1996; (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1987; (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

3. Vi Thị Phước H4, sinh năm 1969; (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

4. Lê Tấn L1, sinh năm 1976; (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre.

5. Trần Minh T3, sinh năm 1986; (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Đặng Thị Phương T4, sinh năm 1974; (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1963; (Có mặt).

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

3. Ca Lê Hoài A, sinh năm 1994; (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

4. La Thị H5, sinh năm 1975; (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

5. Nguyễn Thị Kiều N, sinh năm 1969; (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

6. Nguyễn Thị Thúy V, sinh năm 1993; (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người làm chứng:*

1. Tô Tử K, sinh năm 1988; (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Nguyễn Kim L2, sinh năm 1976; (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do động cơ tư lợi bất chính nên trong khoảng thời gian từ ngày 25/6 đến ngày 12/7/2024, Nguyễn Thanh T - sinh năm 1992 ngụ khu phố A, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bến Tre (đối tượng có tiền án về tội Trộm cắp tài sản, cụ thể ngày 08/9/2022 bị TAND tỉnh Bến Tre xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 03/12/2023) và Nguyễn Chế L - sinh năm 1995 ngụ ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre cùng nhau thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn các xã A, V, V, huyện B, tỉnh Bến Tre, cụ thể:

- **Vụ thứ nhất**, khoảng 02 giờ 15 phút ngày 25/6/2024, Nguyễn Chế L và Nguyễn Thanh T đang ở nhà của L tại ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre chơi game thì T nói với L “đi mày ơi” nghĩa là rủ đi trộm tài sản của người khác thì L đồng ý. L điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave biển số 71C2-599.84 (xe của mẹ ruột L là bà Nguyễn Thị Kiều N) chở T mang theo 01 cái kìm cộng lực đi tìm tài sản lấy trộm. Khi đến tiệm T5 của bà Nguyễn Thị Kim O - sinh năm 1987 ngụ ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre thì cả hai dừng xe lại cách khoảng 35m. L ở ngoài làm nhiệm vụ canh giữ, cảnh giới còn T xuống xe mang theo kìm cộng lực đi qua trước tiệm T5 rồi vòng ra phía sau cắt hàng rào B40 đột nhập vào bên trong lấy trộm 01 laptop nhãn hiệu HP để trên giường, 3.200.000 đồng tiền mặt được để trong 01 ngăn kéo nhựa và 01 chiếc túi da đem ra ngoài đi đến chỗ L đậu xe. Sau đó T mang theo các tài sản đã trộm ngồi phía sau xe để L điều khiển chở về nhà L. Số tiền mặt 3.200.000 đồng thì hai bị cáo chia nhau mỗi người 1.600.000 đồng, chiếc laptop hiệu HP thì T đem bán cho Ca Lê Hoài A – sinh năm 1994 ngụ khu phố A, thị trấn T, huyện B với giá 2.500.000 đồng, cả hai chia đều mỗi người 1.250.000 đồng tiêu xài cá nhân hết, còn chiếc túi da và ngăn kéo bằng nhựa thì mang ra khu vực đất sau nhà của L đốt bỏ.

- **Vụ thứ hai**, khoảng 04 giờ 05 phút ngày 29/6/2024, L và T đang ngồi chơi game trên điện thoại tại nhà L, thì T liền rủ L “đi vòng vòng mày ơi” tức là đi trộm tài sản của người khác thì L đồng ý, L dùng xe mô tô biển số 71C2-599.84 chở T mang theo kìm cộng lực đi tìm tài sản lấy trộm. Đến khoảng 04 giờ 16 phút cùng ngày thì đến khu vực lộ trước tiệm T6 thuộc ấp A, xã A, huyện B của bà Vi Thị Phước H4 – sinh năm 1969, L điều khiển xe lên vỉa hè đậu trước cửa tiệm T6 còn T xuống xe dùng kìm cộng lực cắt ổ khóa cửa đột nhập vào bên trong lấy 07 thùng

bia (04 thùng bia nhãn hiệu Heniken, 03 thùng bia nhãn hiệu Tiger) chuyển cho L để lên xe, T tiếp tục đi vào bên trong tiệm tạp hóa lấy 102.000 đồng tiền lẻ bà H4 để trong túi vải treo trên kệ gần chỗ các thùng bia rồi đi ra leo lên xe L điều khiển chở T và 07 thùng bia lấy trộm được đem về nhà L cất giấu, số tiền 102.000 đồng cả hai dùng nạp game điện thoại, đến sáng hôm sau thì cả hai đem bán 07 thùng bia cho bà La Thị H5 - sinh năm 1975 ngụ khu phố A, thị trấn T, huyện B với tổng số tiền là 2.100.000 đồng, cả hai bị cáo chia đều số tiền nói trên.

- **Vụ thứ ba**, vào khoảng 14 giờ 30 ngày 11/7/2024, L điều khiển xe mô tô biển số 71C2-599.84 chở T mang theo một cây kim cộng lực cất giấu trong người lưu thông theo hướng từ xã V đi xã T, huyện B để tìm tài sản trộm cắp. Khi cả hai đi ngang Tiệm Gas của anh Nguyễn Kim L2 - sinh năm 1976 ngụ ấp V, xã V, huyện B thì phát hiện bên trong hàng rào có để 01 xe mô tô nhãn hiệu Damsan, màu sơn xanh, biển số 71K8-3206 của ông Lê Tấn L1 – sinh năm 1976 ngụ ấp N, xã M, huyện B gửi nhờ nhà ông L2, T hỏi L “khóa cửa kìa, ấy không” tức là có lấy trộm chiếc xe không, L trả lời “ấy thì ấy” tức là đồng ý việc trộm chiếc xe. Sau đó L điều khiển xe mô tô dừng lại gần đó cảnh giới, còn T cầm theo kim cộng lực đi đến cất ổ khóa vào bên trong dẫn xe mô tô biển số 71K8-3206 ra ngoài rồi T điều khiển xe mô tô biển số 71K8-3206 vừa trộm được, còn L điều khiển xe mô tô biển số 71C2-599.84 chạy về nhà L cất giấu. Sau đó thì hành vi của cả hai bị phát hiện.

- **Vụ thứ tư**, vào khoảng 03 giờ ngày 12/7/2024, L và T đang ở nhà của L chơi game. Lúc này, T nói với L “đi mày ơi”, tức đi trộm cắp tài sản về bán lấy tiền chia nhau tiêu xài cá nhân thì L đồng ý. L điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave biển số 71C2-599.84 chở T mang theo 01 cái kim cộng lực đi từ xã V đến xã A tìm tài sản lấy trộm. Khi đến tiệm sửa điện lạnh của anh Trần Minh T3 – sinh năm 1986 ngụ ấp V, xã V, huyện B thì cả hai quan sát cửa khóa bên ngoài và không có ai trông coi nên nảy sinh ý định đột nhập vào trong lấy trộm tài sản. L nhìn thấy có camera bên ngoài nên kêu T tháo camera để không lưu hình ảnh của cả hai. Sau khi T tháo được camera này xuống thì L điều khiển xe mô tô chạy qua phần đường đối diện khoảng 30m để cảnh giới, còn T mang theo kim cộng lực đi đến cất ổ khóa cửa đi vào bên trong tìm tài sản lấy trộm. Khi T vào bên trong thì phát hiện có 02 chiếc xe mô tô đang dựng trong tiệm và có 01 camera gắn bên hông đang chiếu vào 02 chiếc xe nên T liền leo lên tháo camera này xuống rồi dẫn 01 xe mô tô nhãn hiệu Exciter màu sơn trắng - đỏ, biển số 71C2-327.13 đi ra ngoài, khi T dẫn xe mô tô Exciter gần ra tới cửa rào thì T lại phát hiện thêm 01 camera gắn đối diện với camera chiếu vào 02 chiếc xe mô tô trước đó nên T tiếp tục lên tháo camera này xuống. T dẫn xe mô tô Exciter biển số 71C2-327.13 cùng 03 mất

camera đi ra ngoài đến chỗ L đợi sẵn. Sau đó T ngồi lên xe mô tô Exciter vừa trộm được, L điều khiển xe mô tô biển số 71C2-599.84 đẩy từ phía sau. Cả hai đẩy xe đến đoạn đường B thuộc xã T, huyện B thì dừng lại, T tháo biển số xe mô tô 71C2-599.84 gắn qua xe mô tô Exciter vừa trộm được, còn L dùng chìa khóa mang theo sẵn để mở khóa xe mô tô Exciter nhưng làm gãy chìa khóa. Sau đó T điều khiển xe mô tô W đi trước về nhà L lấy biển số xe gốc 71C2-463.35 gắn vào rồi điều khiển xe đến cầu Bà H4 ném 03 mắt camera trộm được xuống mương rồi điều khiển xe về nhà của mình ngủ, còn L thì dẫn xe mô tô Exciter tìm nơi mở khóa xe và tiêu thụ xe thì bị lực lượng chức năng phát hiện.

Ngoài 04 vụ trộm cắp tài sản nêu trên thì Nguyễn Chế L còn tự mình thực hiện 01 vụ Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của người khác, cụ thể: Vào khoảng 14 giờ ngày 04/5/2024, Trịnh Quốc H3 – sinh năm 1996 ngụ ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre điều khiển xe mô tô hiệu Honda Vario biển số 71C2-764.66 của H3 đến nhà Nguyễn Chế L chơi. Sau đó L hỏi mượn xe của H3 nói “đi công chuyện” thì H3 đồng ý. L điều khiển xe đi lên huyện C, tỉnh Bến Tre thăm bạn tên Bùi Thị Thanh G. Đến chiều cùng ngày L điều khiển xe về gửi ở bãi giữ xe gần Bệnh viện Đ rồi về nhà nói dối H3 là xe bị Cảnh sát giao thông huyện G tạm giữ. H3 nói trong cốp xe có giấy đăng ký xe, giấy phép lái xe, căn cước công dân của H3 nên L nảy sinh ý định cầm cố xe của H3 để lấy tiền tiêu xài. Đến ngày 05/5/2024, L đem xe đến tiệm cầm đồ “T1” ở khu phố A, thị trấn T, huyện B giả chữ ký của H3 để cầm xe 71C2-764.66 cho Đặng Thị Phương T4 – sinh năm 1974 (chủ tiệm cầm đồ “Tuấn”) được 18.000.000 đồng, thời hạn cầm cố theo hợp đồng là 35 ngày nhưng L bỏ xe không chuộc, tiền chiếm đoạt được L đã trả nợ hết 8.000.000 đồng và đưa cho vợ là Nguyễn Thị Thúy V 10.000.000 đồng. Trịnh Quốc H3 nhiều lần yêu cầu L trả xe nhưng L không trả. Đến ngày 17/7/2024, H3 phát hiện xe của mình đang cầm cố ở tiệm cầm đồ “Tuấn” nên tố giác hành vi của L.

Vật chứng và tài sản thu giữ, gồm:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter màu sơn trắng - đỏ, số máy G3D4E-168331, số khung 0610FY155635, biển số 71C2-327.13 do Nguyễn Chế L giao nộp, Cơ quan điều tra đã xử lý giao trả cho bị hại Trần Minh T3;
- 01 xe mô tô nhãn hiệu Damsan, loại xe nữ, màu sơn xanh, số máy 150FMG-00063152, số khung DCG06HH-063151, biển số 71K8-3206 do Nguyễn Chế L giao nộp và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 0101504, Cơ quan điều tra đã xử lý giao trả cho bị hại Lê Tấn L1;

- 01 máy tính xách tay nhãn hiệu HP màu đen, kích thước dài 28cm, rộng 25cm, dày 02cm, máy đã qua sử dụng, phần lưng bàn phím gắn mã QR có hai dòng chữ gồm: Model 15-bs646TU, SN#CND1186V9 do Nguyễn Thanh T giao nộp, Cơ quan điều tra đã xử lý giao trả cho bị hại Nguyễn Thị Kim O;

- 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Vario màu sơn cam đen, số máy KF41E2201150, số khung MH1KF4125MK197041, biển số 71C2-764.66; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 71005335 biển số đăng ký 71C2-764.66; 01 giấy phép lái xe hạng A1 số 790173097319 của Trịnh Quốc H3, Cơ quan điều tra đã xử lý giao trả cho bị hại Trịnh Quốc H3;

- 01 điện thoại di động cảm ứng màu xanh, ốp lưng màu đen, hiệu Galaxy A32, IMEI (khe 1) 356835257255561, IMEI (khe 2) 358934997255565 số seri RF8R41DQWKB, gắn sim số 0942283830 và sim số 0327038144; Cơ quan điều tra đã xử lý giao trả cho Nguyễn Chế L;

- 01 điện thoại di động cảm ứng màu xanh, kiểu máy Redmi Note 8, IMEI (khe cắm sim 1) 861312045971121, IMEI (khe cắm sim 2) 861312047371122 bên trong không sim; Cơ quan điều tra đã xử lý giao trả cho Nguyễn Thanh T;

- 01 xe mô tô hiệu Wave màu xanh – đen - bạc, biển số 71C2- 463.35, số khung RLHJA308HY292242, số máy JA39E0292297; Cơ quan điều tra đã xử lý giao trả cho chủ sở hữu bà Nguyễn Thị Kiều N;

- 01 biển kiểm soát xe mô tô số 71C2-599.84, Cơ quan điều tra đã xử lý giao trả cho chủ sở hữu Nguyễn Thanh H6;

- 01 chìa khoá bằng kim loại màu trắng – đen bị gãy có ký hiệu “Phong Sửa Khoá 097.8888.047” của Nguyễn Chế L, chưa xử lý;

- 01 cái kiềm cộng lực bằng kim loại màu đen xanh dài 36cm, cán bọc nhựa màu đen xanh của Nguyễn Thanh T, chưa xử lý.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 50/KL-HĐĐGTS ngày 24/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu sơn trắng - đỏ, số máy G3D4E-168331, số khung 0610FY155635, biển số 71C2-327.13 có giá trị là 13.000.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá số 58/KL-HĐĐGTS ngày 20/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Damsan, loại xe nữ, màu sơn xanh, số máy 150FMG-00063152, số khung DCG06HH-063151, biển số 71K8-3206 có giá 3.500.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá số 60/KL-HĐĐGTS ngày 23/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B kết luận: 04 thùng bia nhãn hiệu Heniken màu xanh trắng loại thùng 24 lon có giá trị 1.800.000 đồng; 03 thùng bia

nhãn hiệu Tiger màu xanh loại thùng 24 lon có giá trị 1.110.000 đồng. Tổng giá trị 2.910.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá số 62/KL-HĐĐGTS ngày 30/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B kết luận: 01 máy tính xách tay nhãn hiệu HP màu đen kích thước khi gấp màn hình và bàn phím là 28cm x 25cm, dày 02cm, máy đã qua sử dụng, phần lưng bàn phím gần mã QR có hai dòng chữ gồm Model 15-bs646TU, SN#CND81186V9 có giá trị 2.500.000 đồng. Tài sản không đủ điều kiện định giá do không thu hồi được, không có hình ảnh, hoá đơn, tên loại gồm: 01 ngăn kéo bằng nhựa, 01 chiếc túi da màu đen.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 63/KL-HĐĐGTS ngày 06/9/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Vario màu sơn cam đen số máy KF41E2201150, số khung MH1KF4125MK197041, biển số 71C2-764.66 đã qua sử dụng trị giá 30.000.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 92/KL-HĐĐGTS ngày 07/11/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B kết luận: 03 camera hiệu Imou màu trắng còn thời gian bảo hành có giá trị 3.000.000 đồng.

Tại Bản Cáo trạng số: 12/CT-VKSBT ngày 22/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố bị cáo Nguyễn Thanh T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Chế L về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện B giữ nguyên Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”; tuyên bố bị cáo Nguyễn Chế L phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, đồng thời đề nghị:

* Về trách nhiệm hình sự:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Chế L từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Chế L từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt chung cho bị cáo Nguyễn Chế L phải chấp hành đối với 02 tội nêu trên.

* Về trách nhiệm dân sự:

- Ghi nhận các bị hại là: Ông Trần Minh T3 đã nhận lại xe mô tô biển số 71C2-327.13 và được bà Nguyễn Thanh T2 bồi thường giá trị 03 camera số tiền 3.000.000 đồng; ông Lê Tấn L1 đã nhận lại xe mô tô biển số 71K8-3206; ông Trịnh Quốc H3 đã nhận lại xe mô tô biển số 71C2-764.66; bà Nguyễn Thị Kim O đã nhận lại chiếc laptop hiệu HP và được bà Nguyễn Thanh T2 bồi thường số tiền 3.500.000 đồng; bà Vi Thị Phước H4 được bà Nguyễn Thanh T2 bồi thường số tiền 2.200.000 đồng và những người này không có yêu cầu hai bị cáo bồi thường thêm các khoản nào khác.

- Ghi nhận việc bà Nguyễn Thanh T2 không yêu cầu bị cáo Nguyễn Thanh T hoàn trả lại số tiền 4.350.000 đồng bà đã bỏ ra để bồi thường cho các bị hại Trần Minh T3, Nguyễn Thị Kim O, Vi Thị Phước H4 thay cho bị cáo T.

- Căn cứ Điều 587 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Nguyễn Chế L có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thanh T2 số tiền 4.350.000 đồng bà đã bỏ ra để bồi thường cho các bị hại Trần Minh T3, Nguyễn Thị Kim O, Vi Thị Phước H4 thay cho bị cáo L.

- Căn cứ Điều 589 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Nguyễn Chế L có trách nhiệm bồi thường cho bà Đặng Thị Phương T4 số tiền 18.000.000 đồng đã cầm cố xe mô tô Honda Vario biển số 71C2-764.66.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47; Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Đề nghị HĐXX:

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 chìa khoá bằng kim loại màu trắng – đen bị gãy có ký hiệu “Phong Sửa Khoá 097.8888.047” của Nguyễn Chế L và 01 cái kiềm cộng lực bằng kim loại màu đen xanh dài 36cm, cán bọc nhựa màu đen xanh của Nguyễn Thanh T do không còn giá trị sử dụng và đây là các công cụ hai bị cáo dùng vào việc phạm tội.

- Ghi nhận Cơ quan điều tra đã xử lý giao trả:

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter màu sơn trắng - đỏ, số máy G3D4E-168331, số khung 0610FY155635, biển số 71C2-327.13 cho bị hại Trần Minh T3;

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Damsan, loại xe nữ, màu sơn xanh, số máy 150FMG-00063152, số khung DCG06HH-063151, biển số 71K8-3206 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 0101504 cho bị hại Lê Tấn L1;

+ 01 máy tính xách tay nhãn hiệu HP màu đen, kích thước dài 28cm, rộng 25cm, dày 02cm, máy đã qua sử dụng, phần lưng bàn phím gắn mã QR có hai dòng chữ gồm: Model 15-bs646TU, SN#CND1186V9 cho bị hại Nguyễn Thị Kim O;

+ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Vario màu sơn cam đen, số máy KF41E2201150, số khung MH1KF4125MK197041, biển số 71C2-764.66; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 71005335 biển số đăng ký 71C2-764.66; 01 giấy phép lái xe hạng A1 số 790173097319 cho bị hại Trịnh Quốc H3;

+ 01 điện thoại di động cảm ứng màu xanh, ốp lưng màu đen, hiệu Galaxy A32, IMEI (khe 1) 356835257255561, IMEI (khe 2) 358934997255565 số sêri RF8R41DQWKB, gắn sim số 0942283830 và sim số 0327038144 cho bị cáo Nguyễn Chế L do không liên quan việc phạm tội;

+ 01 điện thoại di động cảm ứng màu xanh, kiểu máy Redmi Note 8, IMEI (khe cắm sim 1) 861312045971121, IMEI (khe cắm sim 2) 861312047371122 bên trong không sim cho bị cáo Nguyễn Thanh T do không liên quan việc phạm tội;

+ 01 xe mô tô hiệu Wave màu xanh – đen - bạc, biển số 71C2- 463.35, số khung RLHJA308HY292242, số máy JA39E0292297 cho chủ sở hữu bà Nguyễn Thị Kiều N;

+ 01 biển kiểm soát xe mô tô số 71C2-599.84 cho chủ sở hữu Nguyễn Thanh H6.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Chế L và bị cáo Nguyễn Thanh T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đã thực hiện như nội dung Cáo trạng đã xác định là hoàn toàn đúng. Bị cáo T trình bày bị cáo đã tự mình khắc phục hậu quả cũng như tác động mẹ ruột là Nguyễn Thanh T2 bồi thường thiệt hại cho các bị hại. Kiểm cộng lực mà các bị cáo dùng làm công cụ thực hiện hành vi phạm tội là của bị cáo đang bị tạm giữ, bị cáo không yêu cầu nhận lại. Bị cáo L trình bày, sau khi hành vi phạm tội của bị cáo bị phát hiện bị cáo cũng đã tự nguyện khắc phục hậu quả cho các bị hại. Chìa khoá bằng kim loại màu trắng sử dụng trong vụ trộm thứ tư là của bị cáo hiện đang bị tạm giữ, bị cáo không yêu cầu nhận lại. Về phần yêu cầu bồi thường của bà Đặng Thị Phương T4 và Nguyễn Thanh T2 bị cáo đồng ý bồi thường toàn bộ số tiền theo yêu cầu của bà T4 và bà T2. Tuy nhiên, hiện tại bị cáo đang bị tạm giam nên khi chấp hành án xong, bị cáo lao động kiếm tiền sẽ trả lại cho bà T4 và bà T2 theo quy định.

Các bị hại Trần Minh T3, Lê Tấn L1 đã nhận lại các xe mô tô bị mất trộm; bị hại Nguyễn Thị Kim O đã nhận lại chiếc laptop hiệu HP; Nguyễn Thanh T2 (mẹ ruột bị cáo Nguyễn Thanh T) đã thay 02 bị cáo Nguyễn Thanh T, Nguyễn Ché L bồi thường cho bị hại Trần Minh T3 giá trị 03 camera số tiền 3.000.000 đồng, bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Kim O số tiền 3.500.000 đồng, bồi thường cho bị hại Vi Thị Phước H4 số tiền 2.200.000 đồng. Các bị hại Trần Minh T3, Lê Tấn L1, Nguyễn Thị Kim O, Vi Thị Phước H4 không có yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Thanh T.

Tại phiên tòa, bị hại Trịnh Quốc H3 trình bày: Bị cáo L đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản là xe mô tô biển số 71C2-764.66 của anh. Sau đó, đi cầm cố cho người khác như nội dung Cáo trạng là hoàn toàn đúng. Hiện, anh đã nhận lại đầy đủ tài sản là xe mô tô này kèm giấy đăng ký xe, giấy phép lái xe nên anh không yêu cầu thêm. Anh yêu cầu xử lý bị cáo theo quy định pháp luật.

Quá trình điều tra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Thị Phương T4 trình bày: Không biết xe mô tô biển số 71C2-764.66 là do bị cáo Nguyễn Ché L sử dụng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của Trịnh Quốc H3 mà có được. Khi bị cáo L đến cầm cố xe này thì có đưa cho bà xem 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô nêu trên; 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Trịnh Quốc H3 và khi cầm cố bị cáo L đeo khẩu trang cũng như bà cả tin nếu không phải chủ xe đi cầm thì không thể có mang theo các giấy tờ như giấy đăng ký xe, giấy phép lái xe của chính chủ nên bà đã cầm xe này cho bị cáo với số tiền 18.000.000 đồng. Sau khi hành vi phạm tội của bị cáo L bị phát hiện, bà đã giao lại xe này cùng giấy đăng ký xe cho Cơ quan điều tra tạm giữ và xử lý. Đối với số tiền 18.000.000 đồng là tiền cầm cố tài sản mà bị cáo phạm tội mà có, bà yêu cầu bị cáo L có trách nhiệm trả lại cho bà.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thanh T2 trình bày: Bà là mẹ ruột của bị cáo Nguyễn Thanh T, việc bị cáo cùng bị cáo L thực hiện hành vi phạm tội như thế nào bà không biết. Khi T bị lực lượng Công an mời làm việc nhiều lần thì bà mới biết hành vi sai phạm của bị cáo. Trước khi bị tạm giam, bị cáo T có tác động bà bồi thường thay bị cáo và bị cáo L cho những bị hại mà hai bị cáo đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản: Bà đã bồi thường cho các bị hại cụ thể như sau: Bồi thường cho bị hại Trần Minh T3 số tiền 3.000.000 đồng; bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Kim O số tiền 3.500.000 đồng; bồi thường cho bị hại Vi Thị Phước H4 số tiền 2.200.000 đồng. Sau khi bồi thường, các bị hại nêu trên có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T. Trong các khoản bồi thường này, ngoài phần bồi thường cho bị cáo T, bà cũng đã bồi thường luôn phần của bị cáo L.

Đến hiện tại, bị cáo L vẫn chưa trả lại phần mà bị cáo L có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại mà bà đã bỏ ra trước nên bà có yêu cầu bị cáo L có trách nhiệm trả lại $\frac{1}{2}$ số tiền mà bà đã bồi thường chung thay 02 bị cáo cho các bị hại. Cụ thể bà yêu cầu bị cáo L trả lại cho bà số tiền là 4.350.000 đồng. Đối $\frac{1}{2}$ số tiền còn lại, là phần lẽ ra bị cáo T phải có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại, tuy nhiên do là mẹ con nên bà không yêu cầu bị cáo T phải trả lại số tiền này cho bà.

Quá trình điều tra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ca Lê Hoài A trình bày: Không biết chiếc laptop hiệu HP mà bị cáo T đem bán cho anh là tài sản mà bị cáo phạm tội mà có. Khi bị cáo mang đến bán cho anh, thì anh có mua với giá 2.500.000 đồng. Sau khi lực lượng chức năng mời làm việc anh mới biết tài sản trên là do bị cáo phạm tội mà có. Khi biết, anh cũng đã đưa lại laptop này cho bị cáo T để giao nộp cho Cơ quan điều tra. Đối với số tiền 2.500.000 đồng anh đã bỏ ra mua laptop này thì bị cáo T cũng đã trả lại cho anh nên anh không yêu cầu gì thêm.

Quá trình điều tra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan La Thị H5 trình bày: Bà có mua 07 thùng bia (04 thùng bia nhãn hiệu Heniken, 03 thùng bia nhãn hiệu Tiger) do hai bị cáo chở đến bán với tổng số tiền là 2.100.000 đồng. Bà không biết tài sản này là do hai bị cáo phạm tội mà có. Các thùng bia trên bà đã bán hết.

Quá trình điều tra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Kiều N trình bày: Bà là mẹ ruột của bị cáo Nguyễn Chế L. Việc bị cáo dùng xe mô tô biển số 71C2-463.35 thuộc quyền sở hữu của bà để cùng với bị cáo T thực hiện các lần phạm tội thì bà không biết. Hiện, Cơ quan điều tra đã xử lý giao trả lại xe này cho bà nên bà không yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Thúy V trình bày: Chị là vợ của bị cáo Nguyễn Chế L, việc bị cáo L thực hiện các lần phạm tội như thế nào chị không biết. Chị có được bị cáo L đưa cho số tiền 10.000.000 đồng để trả nợ, mua đồ dùng cá nhân, sinh hoạt hàng ngày. Chị hoàn toàn không biết tiền này là do hành vi phạm tội của bị cáo L mà có được. Ngoài ra, chị không còn liên quan gì trong vụ án.

Người bào chữa cho bị cáo T tranh luận: Thống nhất nội dung truy tố Cáo trạng của Viện kiểm sát cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Kiểm sát viên đã đề nghị áp dụng đối với cáo T. Tuy nhiên, đề nghị HĐXX xem xét thêm hoàn cảnh gia đình của bị cáo có khó khăn, thuộc diện hộ cận nghèo nhiều năm liền tại địa phương, cha mất sớm, con còn nhỏ, mẹ già, bị cáo là lao động chính trong gia đình để giảm nhẹ hình phạt thấp nhất cho bị cáo T. Về trách nhiệm dân sự: Bản thân bị cáo T cũng đã tự mình khắc phục hậu quả và có

tác động bà T2 là mẹ bị cáo T bồi thường thay bị cáo T cho các bị hại nên các bị hại không ai yêu cầu gì thêm. Bên cạnh đó bà T2 cũng không yêu cầu bị cáo T hoàn trả lại số tiền đã bỏ ra bồi thường thay bị cáo cho các bị hại nên đề nghị HĐXX ghi nhận.

Bị cáo T thống nhất tranh luận của người bào chữa, không tranh luận bổ sung gì thêm.

Bị cáo L, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt không có ý kiến tranh luận nên Kiểm sát viên không tranh luận gì thêm.

Đối với tranh luận của người bào chữa thống nhất quan điểm với Kiểm sát viên nên Kiểm sát viên không tranh luận gì thêm.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, các bị hại Nguyễn Thị Kim O, Vi Thị Phước H4, Lê Tấn L1 và Trần Minh T3 vắng mặt không có lý do. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Thị Phương T4, Ca Lê Hoài A, La Thị H5 và Nguyễn Thị Kiều N vắng mặt không có lý do. Người làm chứng Tô Tử K và Nguyễn Kim L2 vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, những người này đã có lời khai rõ trong quá trình điều tra, truy tố, đồng thời các bị cáo, những người tham gia tố tụng có mặt và những người tiến hành tố tụng khác không có ý kiến gì về việc vắng mặt của những người nêu trên. Căn cứ vào các Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người nêu trên trong vụ án.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Lời khai nhận của các bị cáo tại tòa đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện; lời khai của các bị cáo là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với kết luận định giá, phù hợp vật chứng thu giữ và các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập được trong quá trình điều tra vụ án. Đã đủ cơ

sở xác định: Do động cơ tư lợi bất chính, nên trong khoảng thời gian từ ngày 25/6 đến ngày 12/7/2024 trên địa bàn các xã A, V, V, huyện B, tỉnh Bến Tre, Nguyễn Thanh T (đang có tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”) cùng Nguyễn Ché L đã 04 lần lén lút lấy trộm: 01 xe mô tô trị giá 13.000.000 đồng, 03 camera trị giá 3.000.000 đồng với tổng giá trị 16.000.000 đồng của ông Trần Minh T3, 01 xe mô tô trị giá 3.500.000 đồng của ông Lê Tấn L1, 01 laptop hiệu HP trị giá 2.500.000 đồng cùng 3.200.000 đồng tiền mặt của bà Nguyễn Thị Kim O, 07 thùng bia trị giá 2.910.000 đồng cùng 102.000 đồng tiền mặt của bà Vi Thị Phước H4 với tổng giá trị tài sản 02 bị can chiếm đoạt là 28.212.000 đồng. Ngoài ra, Nguyễn Ché L còn có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là xe mô tô Honda Vario biển số 71C2-764.66 trị giá 30.000.000 đồng của anh Trịnh Quốc H3 vào ngày 05/5/2024 tại khu phố A, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bến Tre. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố bị cáo Nguyễn Ché L về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Thanh T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Trong 04 vụ án trộm cắp tài sản nêu trên là các vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, Nguyễn Ché L và Nguyễn Thanh T đều cùng là người thực hành nên chịu trách nhiệm ngang nhau.

[5] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ. Khi thực hiện hành vi, các bị cáo là người đã trưởng thành đủ tuổi và đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Các bị cáo nhận thức được hành vi lén lút lấy trộm tài sản của người khác và mượn tài sản sau đó sử dụng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vì bản tính tham lam, muốn tư lợi bất chính có tiền tiêu xài nhưng không bỏ công sức lao động và nhất là thái độ xem thường pháp luật nên đã đưa các bị cáo vào con đường phạm tội và hậu quả xảy ra đúng như các bị cáo mong muốn. Các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Việc làm của các bị cáo không những vi phạm pháp luật mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân. Bản thân các bị cáo có nhân thân xấu. Bị cáo L đang có 01 tiền sự về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” chưa được xóa, bị cáo T đang có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa nhưng các bị cáo đã không biết cải sửa bản thân mà tiếp tục có hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác. Điều đó cho thấy các bị cáo là người rất khó cải tạo, giáo dục. Với tính chất, hành vi của các bị cáo trong vụ án này, HĐXX xét

thấy việc đưa các bị cáo ra xét xử là cần thiết và cần xử lý các bị cáo hình phạt tù giam mới đủ sức răn đe, cải tạo, giáo dục các bị cáo thành người tốt, có ích cho xã hội, đồng thời cũng nhằm răn đe, phòng ngừa chung.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Đối với bị cáo Nguyễn Thanh T, hiện có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích và trong vụ án này bị cáo đã cùng bị cáo L thực hiện đến 04 lần phạm tội nên bị cáo phải chịu 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” và “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại các điểm h, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Đối với bị cáo Nguyễn Chế L trong vụ án này với hành vi “Trộm cắp tài sản” thì bị cáo đã cùng bị cáo T thực hiện đến 04 lần phạm tội nên bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Đối với bị cáo Nguyễn Thanh T, HĐXX xét thấy: Bị cáo đã tự nguyện và có tác động gia đình khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại cho các bị hại; thành khẩn khai báo; có bị hại trong vụ án xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và gia đình bị cáo có khó khăn, thuộc diện hộ cận nghèo tại địa phương nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Đối với bị cáo Nguyễn Chế L, HĐXX xét thấy: Bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại; thành khẩn khai báo nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Vì vậy, đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của đại diện Viện Kiểm sát cho các bị cáo được HĐXX chấp nhận. HĐXX sẽ xem xét các tình tiết giảm nhẹ nêu trên để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

- Các bị hại gồm: Trần Minh T3 đã nhận lại xe mô tô biển số 71C2-327.13 và được Nguyễn Thanh T2 bồi thường giá trị 03 camera số tiền 3.000.000 đồng; Lê Tấn L1 đã nhận lại xe mô tô biển số 71K8-3206; Trịnh Quốc H3 đã nhận lại xe mô tô biển số biển số 71C2-764.66; Nguyễn Thị Kim O đã nhận lại chiếc laptop hiệu HP và được Nguyễn Thanh T2 bồi thường số tiền 3.500.000 đồng; Vi Thị Phước H4 được Nguyễn Thanh T2 bồi thường số tiền 2.200.000 đồng và những người này

không có yêu cầu hai bị cáo bồi thường thêm các khoản nào khác nên được HĐXX ghi nhận.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thanh T2 không yêu cầu bị cáo Nguyễn Thanh T hoàn trả lại số tiền 4.350.000 đồng mà bà đã bỏ ra để bồi thường cho các bị hại Trần Minh T3, Nguyễn Thị Kim O, Vi Thị Phước H4 thay cho bị cáo T nên được HĐXX ghi nhận.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thanh T2 có yêu cầu bị cáo Nguyễn Chế L có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà số tiền 4.350.000 đồng mà bà đã bỏ ra để bồi thường cho các bị hại Trần Minh T3, Nguyễn Thị Kim O, Vi Thị Phước H4 thay cho bị cáo L là có cơ sở, tại tòa bị cáo L cũng đồng ý trả lại số tiền này cho bà T2 nên HĐXX ghi nhận buộc bị cáo có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền này cho bà T2.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đặng Thị Phương T4 có yêu cầu bị cáo Nguyễn Chế L có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà số tiền 18.000.000 đồng là tiền mà bà đã bỏ ra để cầm cố xe biển số 71C2-764.66 do bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mà có và bà không biết tài sản này là do bị cáo L phạm tội mà có là có cơ sở, tại tòa bị cáo L đồng ý trả lại số tiền này cho bà T4 nên HĐXX ghi nhận buộc bị cáo có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền này cho bà T4.

[9] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 chìa khoá bằng kim loại màu trắng – đen bị gãy có ký hiệu “Phong Sửa Khoá 097.8888.047” của Nguyễn Chế L và 01 cái kiềm cộng lực bằng kim loại màu đen xanh dài 36cm, cán bọc nhựa màu đen xanh của Nguyễn Thanh T do không còn giá trị sử dụng và đây là các công cụ hai bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu tiêu huỷ.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter màu sơn trắng - đỏ, số máy G3D4E-168331, số khung 0610FY155635, biển số 71C2-327.13, Cơ quan điều tra đã xử lý giao trả cho bị hại Trần Minh T3 là phù hợp với quy định pháp luật nên được HĐXX ghi nhận.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Damsan, loại xe nữ, màu sơn xanh, số máy 150FMG-00063152, số khung DCG06HH-063151, biển số 71K8-3206 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 0101504, Cơ quan điều tra đã xử lý giao trả cho bị hại Lê Tấn L1 là phù hợp với quy định pháp luật nên được HĐXX ghi nhận.

- Đối với 01 máy tính xách tay nhãn hiệu HP màu đen, kích thước dài 28cm, rộng 25cm, dày 02cm, máy đã qua sử dụng, phần lưng bàn phím gắn mã QR có hai dòng chữ gồm: Model 15-bs646TU, SN#CND1186V9, Cơ quan điều tra đã xử lý

giao trả cho bị hại Nguyễn Thị Kim O là phù hợp với quy định pháp luật nên được HĐXX ghi nhận.

- Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Vario màu sơn cam đen, số máy KF41E2201150, số khung MH1KF4125MK197041, biển số 71C2-764.66; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 71005335 biển số đăng ký 71C2-764.66; 01 giấy phép lái xe hạng A1 số 790173097319, Cơ quan điều tra đã xử lý giao trả cho bị hại Trịnh Quốc H3 là phù hợp với quy định pháp luật nên được HĐXX ghi nhận.

- Đối với 01 điện thoại di động cảm ứng màu xanh, ốp lưng màu đen, hiệu Galaxy A32, IMEI (khe 1) 356835257255561, IMEI (khe 2) 358934997255565 số seri RF8R41DQWKB, gắn sim số 0942283830 và sim số 0327038144, Cơ quan điều tra đã xử lý giao trả cho bị cáo Nguyễn Chế L do không liên quan việc phạm tội là phù hợp với quy định pháp luật nên được HĐXX ghi nhận.

- Đối với 01 điện thoại di động cảm ứng màu xanh, kiểu máy Redmi Note 8, IMEI (khe cắm sim 1) 861312045971121, IMEI (khe cắm sim 2) 861312047371122 bên trong không sim, Cơ quan điều tra đã xử lý giao trả cho bị cáo Nguyễn Thanh T do không liên quan việc phạm tội là phù hợp với quy định pháp luật nên được HĐXX ghi nhận.

- Đối với 01 xe mô tô hiệu Wave màu xanh – đen - bạc, biển số 71C2-463.35, số khung RLHJA308HY292242, số máy JA39E0292297, Cơ quan điều tra đã xử lý giao trả cho chủ sở hữu bà Nguyễn Thị Kiều N là phù hợp với quy định pháp luật nên được HĐXX ghi nhận.

- Đối với 01 biển kiểm soát xe mô tô số 71C2-599.84, Cơ quan điều tra đã xử lý giao trả cho chủ sở hữu Nguyễn Thanh H6 là phù hợp với quy định pháp luật nên được HĐXX ghi nhận.

[10] Đối với Ca Lê Hoài A có hành vi mua chiếc laptop hiệu HP do bị cáo Nguyễn Thanh T đem bán, bà La Thị H5 có hành vi mua 07 thùng bia do hai bị cáo L, T đem bán nhưng do Ca Lê Hoài A, La Thị H5 không biết các tài sản này do hai bị cáo L, T phạm tội mà có nên không cơ sở xem xét xử lý là phù hợp với quy định pháp luật.

[11] Đối với xe mô tô biển số 71C2-463.35 mà bị cáo Nguyễn Chế L sử dụng để đi thực hiện các vụ trộm cắp tài sản, do đây là tài sản thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị Kiều N (mẹ ruột Nguyễn Chế L) và bà N không biết L sử dụng xe mô tô biển số 71C2-463.35 để đi trộm cắp nên Cơ quan điều tra trả lại xe mô tô biển số 71C2-463.35 cho bà N là phù hợp quy định pháp luật.

[12] Quan điểm của người bào chữa phù hợp với nhận định của HĐXX nên được HĐXX chấp nhận.

[13] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Chế L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo Nguyễn Thanh T thuộc diện hộ cận nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”; tuyên bố bị cáo Nguyễn Chế L3 phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Về trách nhiệm hình sự:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 02 (H7) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 18/10/2024.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Chế L 01 (Một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Chế L 01 (Một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt chung, buộc bị cáo Nguyễn Chế L phải chấp hành đối với 02 tội danh là 03 (Ba) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 18/10/2024.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 587, 589 và 357 Bộ luật Dân sự;

- Buộc bị cáo Nguyễn Chế L có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thanh T2 số tiền 4.350.000 đồng (Bốn triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

- Buộc bị cáo Nguyễn Chế L có trách nhiệm bồi thường cho bà Đặng Thị Phương T4 số tiền 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Ghi nhận bị hại Trần Minh T3 đã nhận lại xe mô tô biển số 71C2-327.13 và được Nguyễn Thanh T2 bồi thường giá trị 03 camera số tiền 3.000.000 đồng; Lê Tấn L1 đã nhận lại xe mô tô biển số 71K8-3206; Trịnh Quốc H3 đã nhận lại xe mô tô biển số 71C2-764.66; Nguyễn Thị Kim O đã nhận lại chiếc laptop hiệu HP và được Nguyễn Thanh T2 bồi thường số tiền 3.500.000 đồng; bà Vi Thị Phước H4 được Nguyễn Thanh T2 bồi thường số tiền 2.200.000 đồng và những người này không có yêu cầu hai bị cáo bồi thường thêm các khoản nào khác.

- Ghi nhận việc Nguyễn Thanh T2 không yêu cầu bị cáo Nguyễn Thanh T hoàn trả lại số tiền 4.350.000 đồng bà đã bỏ ra để bồi thường cho các bị hại Trần Minh T3, Nguyễn Thị Kim O, Vi Thị Phước H4 thay cho bị cáo T.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 chìa khoá bằng kim loại màu trắng – đen bị gãy có ký hiệu “Phong Sửa Khoá 097.8888.047” của Nguyễn Ché L và 01 cái kiềm cộng lực bằng kim loại màu đen xanh dài 36cm, cán bọc nhựa màu đen xanh.

(Theo phiếu nhập kho số NKT.V.14 ngày 12/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B).

- Ghi nhận Cơ quan điều tra đã xử lý giao trả:

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter màu sơn trắng - đỏ, số máy G3D4E-168331, số khung 0610FY155635, biển số 71C2-327.13 cho bị hại Trần Minh T3;

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Damsan, loại xe nữ, màu sơn xanh, số máy 150FMG-00063152, số khung DCG06HH-063151, biển số 71K8-3206 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 0101504 cho bị hại Lê Tấn L1;

+ 01 máy tính xách tay nhãn hiệu HP màu đen, kích thước dài 28cm, rộng 25cm, dày 02cm, máy đã qua sử dụng, phần lưng bàn phím gàn mã QR có hai dòng chữ gồm: Model 15-bs646TU, SN#CND1186V9 cho bị hại Nguyễn Thị Kim O;

+ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Vario màu sơn cam đen, số máy KF41E2201150, số khung MH1KF4125MK197041, biển số 71C2-764.66; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 71005335 biển số đăng ký 71C2-764.66; 01 giấy phép lái xe hạng A1 số 790173097319 cho bị hại Trịnh Quốc H3;

+ 01 điện thoại di động cảm ứng màu xanh, ốp lưng màu đen, hiệu Galaxy A32, IMEI (khe 1) 356835257255561, IMEI (khe 2) 358934997255565 số sêri RF8R41DQWKB, gắn sim số 0942283830 và sim số 0327038144 cho bị cáo Nguyễn Ché L do không liên quan việc phạm tội;

+ 01 điện thoại di động cảm ứng màu xanh, kiểu máy Redmi Note 8, IMEI (khe cắm sim 1) 861312045971121, IMEI (khe cắm sim 2) 861312047371122 bên trong không sim cho bị cáo Nguyễn Thanh T do không liên quan việc phạm tội;

+ 01 xe mô tô hiệu Wave màu xanh – đen - bạc, biển số 71C2- 463.35, số khung RLHJA308HY292242, số máy JA39E0292297 cho chủ sở hữu bà Nguyễn Thị Kiều N;

+ 01 biển kiểm soát xe mô tô số 71C2-599.84 cho chủ sở hữu Nguyễn Thanh H6.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14;

Buộc bị cáo Nguyễn Chế L phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 1.117.500 (Một triệu một trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng).

Bị cáo Nguyễn Thanh T thuộc diện hộ cận nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Dương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện B;
- CQCSĐT Công an huyện B;
- Cơ quan THAHS Công an huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND thị trấn T (B – Bến Tre);
- Công an thị trấn T(B – Bến Tre);
- UBND xã A(B – Bến Tre);
- Công an xã A(B – Bến Tre);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Tấn Tài

